



ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Đà phục hồi tiếp tục duy trì

ASEANSC Research | 03-09-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến hồi phục

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu



1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- VN-Index ghi nhận tuần hồi phục với thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với kỳ trước. Chỉ số kết tuần tại mức 1.832,12 điểm, tăng 3,62% so với thứ Sáu tuần liền trước. Hầu hết các nhóm ngành có diễn biến hồi phục, trong đó dòng tiền tập trung chủ yếu tại các nhóm Ngân hàng, Công nghệ và Bất động sản.
- Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì đà hồi phục trong thời gian tới. Nhà giao dịch lướt sóng nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (nâng hạng FTSE, KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn Nhà nước,...)
- Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ. Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ hướng về vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến hồi phục



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm **cơ hội Trading**. Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.
- Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).
- Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường **thuận lợi**. Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.
- Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường. Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 03/09/2026 – 04/09/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
HDB	Ngân hàng	27 – 27,5	29 +/-	Trung bình (30% - 50%)
MBB	Ngân hàng	20 – 20,5	22 +/-	
TCB	Ngân hàng	32 – 33	36 +/-	
HCM	Chứng khoán	25 – 25,5	27 +/-	
GMD	Cảng biển	77 – 79	82 +/-	
GVR	Cao su	31 – 32	34 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

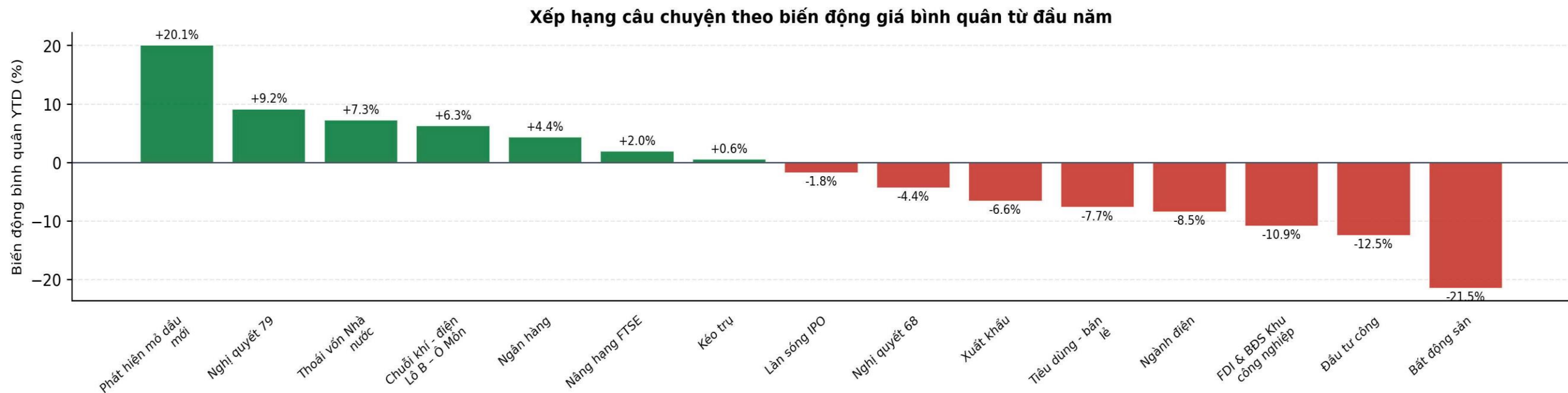
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 24/08/2026 – 28/08/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
HDB	Ngân hàng	26 – 27	1,83%
HCM	Chứng khoán	25 – 26	N/A
FPT	Công nghệ	68 – 70	1,67%
VNM	Thực phẩm	61 – 63	N/A
GMD	Cảng biển	74 – 76	2,71%
NTP	Vật liệu	49 – 51	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN





3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(482)	(83)	(565)	13%	5%	12.939	14,3	1,6
VNM	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0
BVH	105	(114)	(9)	18%	31%	72.801	8,1	1,3
POW	(71)	(41)	(112)	18%	20%	7.423	10,2	1,7
VGC	(19)	(8)	(27)	59%	-78%	31.115	15,3	6,8
GAS	(80)	(2)	(83)	10%	26%	10.350	21,0	2,0
BSR	230	(15)	215	12%	7%	40.000	18,1	1,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	141	427	567	26%	20%	17.143	12,5	3,0
HDB	778	5	783	25%	28%	50.053	7,1	1,5
GMD	264	25	289	21%	44%	4.265	13,1	2,2
DGW	(212)	23	(189)	24%	1640%	2.213	11,1	2,5
REE	(3)	(10)	(13)	13%	15%	6.229	13,4	1,1
VPB	2.716	279	2.995	17%	35%	79.339	7,4	1,2
ACB	234	(91)	143	17%	14%	58.044	8,2	1,3
TCB	3	717	719	15%	10%	70.862	8,9	1,3
MWG	131	(0)	131	29%	525%	14.770	11,2	3,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(482)	(83)	(565)	13%	5%	12.939	14,3	1,6
OIL	43	1	43	6%	-10%	2.014	23,1	1,2
GAS	190	(5)	185	19%	12%	24.129	16,0	2,9
PVS	431	29	460	14%	31%	5.114	9,6	1,2
PVD	69	(8)	61	7%	-224%	9.282	9,6	0,6
BSR	356	(56)	300	30%	192%	50.073	6,7	1,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(482)	(83)	(565)	13%	5%	12.939	14,3	1,6
GVR	230	(15)	215	12%	7%	40.000	18,1	1,9
BVH	(71)	(41)	(112)	18%	20%	7.423	10,2	1,7
POW	(244)	(183)	(428)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
BID	105	(114)	(9)	18%	31%	72.801	8,1	1,3
GAS	190	(5)	185	19%	12%	24.129	16,0	2,9
BSR	356	(56)	300	30%	192%	50.073	6,7	1,8
VCB	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0
CTG	547	(191)	357	22%	25%	77.669	6,2	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	(673)	90	(583)	30%	1%	20.900	11,9	3,7
DGW	(212)	23	(189)	24%	1640%	2.213	11,1	2,5
MSN	552	61	613	22%	18%	14.604	14,4	2,0
FRT	91	(23)	68	28%	-69%	1.788	22,9	4,4
MWG	131	(0)	131	29%	525%	14.770	11,2	3,0



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	(42)	(35)	(77)	29%	70%	4.174	5,7	1,4
BCM	(80)	(2)	(83)	10%	26%	10.350	21,0	2,0
KBC	193	(44)	148	5%	112%	9.418	22,3	1,0
VGC	(13)	(8)	(21)	17%	12%	4.484	12,7	1,5
PHR	107	(41)	66	21%	7%	1.355	8,9	1,7
SZC	6	(3)	3	5%	6%	1.800	22,2	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	619	(27)	592	5%	23%	18.852	46,2	2,3
HDB	778	5	783	25%	28%	50.053	7,1	1,5
BID	105	(114)	(9)	18%	31%	72.801	8,1	1,3
VPB	2.716	279	2.995	17%	35%	79.339	7,4	1,2
MBB	(49)	3	(46)	21%	20%	80.550	5,6	1,1
ACB	234	(91)	143	17%	14%	58.044	8,2	1,3
VCB	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0
TCB	3	717	719	15%	10%	70.862	8,9	1,3
CTG	547	(191)	357	22%	25%	77.669	6,2	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	332	221	553	17%	3%	84.430	8,0	1,3
CTD	(6)	(4)	(9)	8%	169%	1.140	8,9	0,7
HHV	47	(2)	45	6%	24%	5.745	8,4	0,4
VCG	37	(7)	29	34%	112%	6.982	2,5	0,8
BMP	(36)	(5)	(41)	43%	73%	819	9,2	4,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(244)	(183)	(428)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
NT2	(39)	(21)	(60)	26%	300%	2.879	4,8	1,2
TV2	(5)	0	(4)	4%	211%	3.762	16,8	0,7
GEG	(3)	(10)	(13)	13%	15%	6.229	13,4	1,1
REE	(9)	(1)	(9)	17%	38%	4.113	7,2	0,9
PC1	(244)	(183)	(428)	17%	29%	30.678	6,3	0,9



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(244)	(183)	(428)	17%	29%	30.678	6,3	0,9
GAS	190	(5)	185	19%	12%	24.129	16,0	2,9
PVS	431	29	460	14%	31%	5.114	9,6	1,2
PVD	69	(8)	61	7%	-224%	9.282	9,6	0,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0
FPT	141	427	567	26%	20%	17.143	12,5	3,0
VNM	(673)	90	(583)	30%	1%	20.900	11,9	3,7
HPG	332	221	553	17%	3%	84.430	8,0	1,3
BID	105	(114)	(9)	18%	31%	72.801	8,1	1,3
TCB	3	717	719	15%	10%	70.862	8,9	1,3
CTG	547	(191)	357	22%	25%	77.669	6,2	1,2
VHM	1.217	(81)	1.136	33%	5%	82.148	3,8	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	141	427	567	26%	20%	17.143	12,5	3,0
VNM	(673)	90	(583)	30%	1%	20.900	11,9	3,7
HPG	332	221	553	17%	3%	84.430	8,0	1,3
VPB	2.716	279	2.995	17%	35%	79.339	7,4	1,2
MBB	(49)	3	(46)	21%	20%	80.550	5,6	1,1
VCB	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0
TCB	3	717	719	15%	10%	70.862	8,9	1,3
VHM	1.217	(81)	1.136	33%	5%	82.148	3,8	1,1
SSI	484	35	520	13%	17%	25.031	10,2	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	(7)	(46)	(52)	6%	-2%	4.851	17,9	0,8
PDR	25	(46)	(21)	5%	-9%	9.978	20,0	1,0
KDH	142	(8)	135	12%	17%	11.222	11,6	1,0
VHM	1.217	(81)	1.136	33%	5%	82.148	3,8	1,1
TCH	160	95	256	3%	13%	9.121	39,7	0,8



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	(15)	(26)	(40)	17%	76%	24.349	16,4	2,4
TCX	38	(125)	(88)	14%	21%	27.739	18,6	2,5
VCI	1.135	(49)	1.087	9%	12%	11.522	17,1	1,5
MBS	(35)	(1)	(36)	14%	20%	10.010	10,5	1,1
VND	(538)	(2)	(540)	13%	5%	15.223	9,4	1,2
VIX	1.407	75	1.482	16%	209%	24.503	17,2	0,8
SHS	106	12	119	8%	68%	8.995	14,1	1,1
HCM	(328)	136	(192)	10%	5%	10.808	21,3	1,9
SSI	484	35	520	13%	17%	25.031	10,2	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	956	(204)	752	18%	13%	83.557	12,1	2,0	60.100	56.681	6%	Nâng hạng FTSE
BID	105	(114)	(9)	18%	31%	72.801	8,1	1,3	36.850	35.575	4%	Nghị quyết 79
CTG	547	(191)	357	22%	25%	77.669	6,2	1,2	31.950	34.962	-9%	Nghị quyết 79
TCB	3	717	719	15%	10%	70.862	8,9	1,3	33.400	34.230	-2%	Nghị quyết 68
VPB	2.716	279	2.995	17%	35%	79.339	7,4	1,2	27.800	27.413	1%	Nghị quyết 68
HDB	778	5	783	25%	28%	50.053	7,1	1,5	27.800	28.950	-4%	Nghị quyết 68
TCX	38	(125)	(88)	14%	21%	27.739	18,6	2,5	40.800	37.758	8%	Làn sóng IPO
VCI	1.135	(49)	1.087	9%	12%	11.522	17,1	1,5	22.850	24.617	-7%	Nâng hạng FTSE



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	141	427	567	26%	20%	17.143	12,5	3,0	73.200	93.709	-22%	Nghị quyết 68
HPG	332	221	553	17%	3%	84.430	8,0	1,3	22.100	23.163	-5%	Nâng hạng FTSE
PVS	431	29	460	14%	31%	5.114	9,6	1,2	39.600	35.500	12%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	69	(8)	61	7%	-224%	9.282	9,6	0,6	19.150	17.432	10%	Phát hiện mỏ dầu mới
VNM	(673)	90	(583)	30%	1%	20.900	11,9	3,7	62.300	58.438	7%	Nâng hạng FTSE
MSN	552	61	613	22%	18%	14.604	14,4	2,0	70.200	76.800	-9%	Nâng hạng FTSE
MWG	131	(0)	131	29%	525%	14.770	11,2	3,0	75.000	86.060	-13%	Nghị quyết 68



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	356	(56)	300	30%	192%	50.073	6,7	1,8	26.600	16.069	66%	Nghị quyết 79
IDC	(42)	(35)	(77)	29%	70%	4.174	5,7	1,4	32.500	31.380	4%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	(49)	3	(46)	21%	20%	80.550	5,6	1,1	21.050	20.304	4%	Ngân hàng
ACB	234	(91)	143	17%	14%	58.044	8,2	1,3	22.650	20.694	9%	Nghị quyết 68
VHM	1.217	(81)	1.136	33%	5%	82.148	3,8	1,1	73.000	63.844	14%	Bất động sản
CTD	(6)	(4)	(9)	8%	169%	1.140	8,9	0,7	62.800	71.043	-12%	Đầu tư công
GEX	140	(35)	105	10%	78%	13.085	25,2	1,0	26.450	28.272	-6%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**